

Số: 8 6 1 /TB-TMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần ô tô TMT

Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: TMT

Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Điện thoại/ *Telephone*: 04 3 8628205

Fax: 04 3 8628703

Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông Bùi Quốc Công

Chức vụ/ *Position*: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần ô tô TMT trân trọng thông báo:

Ngày 13/08/2021 Công ty cổ phần ô tô TMT đã công bố thông tin báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 sau soát xét, giải trình kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc ngày 30/06/2021

Thông tin này đã được đăng công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần ô tô TMT vào ngày 13/08/2021: <https://tmt-vietnam.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Bùi Quốc Công

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020

Công ty Cổ phần ô tô TMT (Mã chứng khoán: TMT) đã tiến hành công bố Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021. Liên quan đến nội dung công bố, Công ty chúng tôi xin giải trình về sự biến động lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm 2020 như sau:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh tại Công ty 6 tháng đầu năm 2021 :

Đvt: đồng

ST T	Chỉ tiêu	6 tháng Năm 2021	6 tháng Năm 2020	Số tiền	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.154.030.138.450	724.758.568.244	429.271.570.206	59,23%
2	Giá vốn hàng bán	1.050.841.220.758	652.253.037.373	398.588.183.385	61,11%
3	Lợi nhuận gộp BH và CCDV	103.188.917.692	72.505.530.871	30.683.386.821	42,32%
4	Doanh thu tài chính	2.760.918.370	1.248.755.166	1.512.163.204	121,09%
5	Chi phí tài chính	17.016.826.599	34.772.920.054	-17.756.093.455	-51,06%
6	Chi phí bán hàng	33.656.250.627	14.842.292.543	18.813.958.084	126,76%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.439.663.649	21.300.324.439	6.139.339.210	28,82%
8	Lợi nhuận khác	284.091.914	(1.082.463.731)	1.366.555.645	-126,24%
9	Lợi nhuận sau thuế	22.402.614.078	1.183.010.757	21.219.603.321	1793,69%

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 đạt 22,4 đồng, tăng 21,2 VND tương ứng 1793,69% so với cùng kỳ năm 2020, nguyên nhân chủ yếu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ cụ thể:

- Doanh thu và giá vốn đồng thời tăng trưởng với mức tăng đồng đều ~ 59-61% giúp lãi gộp kinh doanh tăng 30,6 tỷ tương ứng 42,32%, nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu thị trường cao, công ty thực hiện chính sách thúc đẩy bán hàng. Ngoài ra, việc áp dụng triệt để NĐ 57/2020/NĐ-CP ngày 05/05/2020 đã giúp Công ty tăng tính cạnh tranh và lợi nhuận



- Chi phí tài chính 6 tháng đầu năm 2021 giảm 17,7 tỷ đồng, tương ứng giảm 51,06% chủ yếu do công ty tắt toán nợ trước hạn các khoản nợ tại các Ngân hàng.

- Bên cạnh đó chi phí bán hàng tăng 18,8 tỷ tương ứng tăng 126,76% và chi phí quản lý tăng 6,1 tỷ tương ứng với 28,82% nguyên nhân chủ yếu do công ty tiến hành chính sách thúc đẩy bán hàng, chú trọng tuyển nhân sự cấp cao nhằm giải quyết hàng tồn kho, cũng như chiến lược tăng thị phần.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021

Doanh thu bán hàng lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 đạt 1.154 tỷ tăng 429 tỷ tương ứng với 59,23% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 21,65 tỷ đồng, tăng trưởng 1730,27% so với cùng kỳ năm ngoài do hoạt động sản xuất kinh doanh từ công ty mẹ

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu có tác động lớn đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty cổ phần ô tô TMT.

Xin trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, P.TCKT.

Công ty cổ phần ô tô TMT

T.M Ban Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám Đốc



Bùi Quốc Công



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
đã được soát xét



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	5 – 42
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 – 42

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Quốc Hưng	Chủ tịch;
Ông Bùi Văn Hữu	Ủy viên;
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên;
Bà Trịnh Thị Hồng Lê	Ủy viên;
Bà Đỗ Thị Hạnh	Ủy viên;
Ông Bùi Quang Huy	Ủy viên.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách Phòng tài chính kế toán trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Lê Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc;	Bổ nhiệm ngày 08/6/2021
Ông Nguyễn Nghĩa Trung	Phụ trách Phòng tài chính kế toán.	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

H
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

TUQ Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Quốc Công



Số: 238./2021/BCSX/AASCN.PB

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT được lập ngày 13 tháng 8 năm 2021, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo soát xét phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**

Phó Giám đốc



Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist.1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

4

The North Branch

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.953.036.637.421	1.320.648.234.585
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	18.800.532.958	62.746.460.019
1.	Tiền	111		18.800.532.958	62.746.460.019
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	148.938.531.600	3.000.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		1.073.530	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(541.930)	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		148.938.000.000	3.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		207.358.916.527	150.936.602.195
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	32.973.516.011	42.070.090.772
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		32.522.502.824	8.319.555.279
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	27.941.441.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	143.323.679.956	74.066.297.408
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(1.482.164.277)	(1.482.164.277)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		21.382.013	21.382.013
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	1.517.056.186.042	1.078.466.965.160
1.	Hàng tồn kho	141		1.522.965.703.106	1.081.885.630.501
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(5.909.517.064)	(3.418.665.341)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		60.882.470.294	25.498.207.211
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	6.443.984.523	6.917.935.456
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		54.431.114.495	18.244.253.292
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	7.371.276	336.018.463
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		407.260.668.520	385.879.994.996
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		110.000.000	110.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	110.000.000	110.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		305.699.974.769	311.174.722.502
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	254.963.419.169	260.406.902.022
	- Nguyên giá	222		427.243.681.150	424.431.783.149
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(172.280.261.981)	(164.024.881.127)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	50.736.555.600	50.767.820.480
	- Nguyên giá	228		50.933.945.000	50.933.945.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(197.389.400)	(166.124.520)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	10.324.630.060	11.031.479.804
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.324.630.060	11.031.479.804
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	24.999.500.000	704.700
1.	Đầu tư vào công ty con	251		24.999.500.000	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(368.830)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		66.126.563.691	63.563.087.990
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	66.126.563.691	63.563.087.990
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.360.297.305.941	1.706.528.229.581

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMTTầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.920.653.512.620	1.289.232.775.617
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.851.694.304.793	1.218.328.053.117
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.357.920.793.683	672.155.779.861
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		70.723.142.209	72.839.209.932
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.858.862.727	1.562.700.800
4.	Phải trả người lao động	314		7.431.722.913	9.717.617.378
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	39.707.459.246	17.178.966.602
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.825.584.302	22.357.589.926
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	357.149.415.175	422.473.638.801
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		77.324.538	42.549.817
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		68.959.207.827	70.904.722.500
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	23.600.000.000	26.000.060.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	45.359.207.827	44.904.662.500
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		439.643.793.321	417.295.453.964
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	439.643.793.321	417.295.453.964
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		372.876.800.000	372.876.800.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372.876.800.000	372.876.800.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		360.727.500	360.727.500
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		483.226.387	483.226.387
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		16.392.834.071	16.338.559.350
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.211.195.010	35.917.130.374
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.808.580.932	34.107.972.993
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		22.402.614.078	1.809.157.381
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.360.297.305.941	1.706.528.229.581

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Bùi Đức Huy

Phụ trách
Phòng Tài chính kế toán


Nguyễn Nghĩa Trung

Phó Tổng Giám đốc




Bùi Quốc Công

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.155.551.302.086	734.510.840.971
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.521.163.636	9.752.272.727
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.154.030.138.450	724.758.568.244
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.050.841.220.758	652.253.037.373
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.188.917.692	72.505.530.871
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	2.760.918.370	1.248.755.166
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	17.016.826.599	34.772.920.054
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		16.846.317.272	34.772.917.054
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	33.656.250.627	14.842.292.543
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	27.439.663.649	21.300.324.439
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.837.095.187	2.838.749.001
11.	Thu nhập khác	31	V.06	294.092.498	27.624.664
12.	Chi phí khác	32	V.07	10.000.584	1.110.088.395
13.	Lợi nhuận khác	40		284.091.914	(1.082.463.731)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.121.187.101	1.756.285.270
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	5.718.573.023	573.274.513
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		22.402.614.078	1.183.010.757

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Bùi Đức Huy

Phụ trách
Phòng Tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Quốc Công

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		28.121.187.101	1.756.285.270
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		8.286.645.734	8.188.727.501
-	Các khoản dự phòng	03		2.491.024.823	(3.695.142.907)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.675.363.723)	(1.394.403.900)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(90.032.492)	(58.420.046)
-	Chi phí lãi vay	06		16.846.317.272	34.772.917.054
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		52.979.778.715	39.569.962.972
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.181.791.689.535	(11.968.946.658)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(441.080.072.604)	(18.565.124.741)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(594.002.861.896)	216.389.647.898
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.090.722.769)	713.810.493
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(17.140.163.149)	(35.861.280.774)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(204.718.556)	(1.808.985.704)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(19.500.000)	(207.512.500)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		180.233.429.276	188.261.570.986
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.531.240.514)	(10.681.078.481)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(171.449.899.589)	(4.050.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.076.899.589	350.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.500.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90.032.492	978.721.371
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(159.314.208.022)	(13.402.357.110)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		914.173.844.676	504.593.205.257
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(979.043.522.975)	(672.025.490.279)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64.869.678.299)	(167.432.285.022)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(43.950.457.045)	7.426.928.854
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		62.746.460.019	11.584.143.995
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.529.984	4.250.301
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		18.800.532.958	19.015.323.150

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Bùi Đức Huy

 Phụ trách
 Phòng Tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Quốc Công

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con gồm:

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh	Thôn 8, xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy xe khách, xe buýt TMT	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 678 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 630 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chốt danh sách trả cổ tức của Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	18.800.532.958	62.746.460.019
+ Tiền mặt	7.962.068.475	306.054.119
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.838.464.483	62.440.405.900
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	18.800.532.958	62.746.460.019

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
+ Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	679.000	348.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394.530	183.600	-	-
Cộng	1.073.530	531.600	-	-

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	148.938.000.000	148.938.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	148.938.000.000	148.938.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	148.938.000.000	148.938.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

(*): Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP có kỳ hạn không quá 12 tháng, lãi suất từ 3,2%/năm đến 5,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ			Số đầu năm				
	% quyền biểu quyết/sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% quyền biểu quyết/sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con		24.999.500.000	-	-				
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh (a)	99,998	24.999.500.000	-	(*)	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác		-	-	-				
+ Công ty CP Thiết bị Bưu điện		-	-	-	1.073.530	(368.830)	704.700	704.700
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín		-	-	-	679.000	(75.700)	603.300	603.300
Cộng		24.999.500.000	-	-	1.073.530	(368.830)	704.700	704.700

(a): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh tăng do trong kỳ, Công ty nhận chuyển nhượng 999.980 cổ phần của các cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh với tổng giá trị nhận chuyển nhượng là 24.999.500.000 đồng. Tại ngày 30/6/2021, Công ty sở hữu 999.980 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 99,998%.

(*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh chưa xác định giá trị hợp lý do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư:

Tên Công ty	Vốn góp của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư	Giá trị phần vốn góp theo mệnh giá	% quyền biểu quyết / sở hữu	Hoạt động chính trong năm
Tên Công ty con				
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh	10.000.000.000	9.999.800.000	99,998	Chưa phát sinh doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	32.973.516.011	42.070.090.772
- Ban Quản lý dự án số 3	2.905.379.780	6.383.616.780
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	4.913.963.859	703.517.955
- Công ty TNHH XD - XNK Tín Thành	-	4.800.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Hải Lợi	-	2.930.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại H&H Hà Nội	3.545.919.050	5.537.003.050
- Công ty Cổ phần Phân phối Sinotruk Việt Nam	3.479.993.530	429.993.530
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	18.128.259.792	21.285.959.457
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	32.973.516.011	42.070.090.772

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	-	27.941.441.000	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	-	-	2.398.441.000	-
- Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	-	-	3.543.000.000	-
- Ông Lê Tiến Phan	-	-	22.000.000.000	-
<i>b. Dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	-	-	27.941.441.000	-

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>	143.323.679.956	(848.175.537)	74.066.297.408	(848.175.537)
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	423.331.199	-
- Tạm ứng	26.317.602.450	-	9.955.632.893	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	107.716.214.273	-	48.069.865.364	-
+ Ký quỹ L/C tại các ngân hàng thương mại	107.620.895.716	-	47.974.546.807	-
+ Ký quỹ ký cược khác	95.318.557	-	95.318.557	-
- Phải thu khác	9.289.863.233	(848.175.537)	15.617.467.952	(848.175.537)
+ Công ty Cổ phần Ô tô TMP Hải Phòng	-	-	916.744.000	-
+ Phải thu tiền thuế nhập khẩu	5.860.614.044	-	11.894.603.568	-
+ Phải thu các đối tượng khác	3.429.249.189	(848.175.537)	2.806.120.384	(848.175.537)
<i>b. Dài hạn</i>	110.000.000	-	110.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	110.000.000	-	110.000.000	-
Cộng	143.433.679.956	(848.175.537)	74.176.297.408	(848.175.537)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Nhà máy cơ khí 120	500.000.000	-	500.000.000	-
- DNTN Thịnh Hưng	602.975.940	-	602.975.940	-
- Các đối tượng khác	379.188.337	-	379.188.337	-
Cộng	1.482.164.277	-	1.482.164.277	-

07. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	97.430.508.611	-	357.102.024	-
- Nguyên liệu, vật liệu	462.117.980.554	(3.024.007.524)	131.073.828.791	(3.024.007.524)
- Công cụ, dụng cụ	4.606.205.908	-	4.975.956.451	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	59.318.218.351	-	81.106.000.956	-
- Thành phẩm	560.187.716.997	(104.596.041)	457.008.919.010	(104.596.041)
- Hàng hoá	101.252.713.458	(2.780.913.499)	112.349.981.359	(290.061.776)
- Hàng gửi bán	238.052.359.227	-	295.013.841.910	-
Cộng	1.522.965.703.106	(5.909.517.064)	1.081.885.630.501	(3.418.665.341)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay ngân hàng là 1.435.462.791.771 đồng.

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	10.324.630.060	11.031.479.804
+ <i>Chi công văn phòng tầng 9+10 tòa nhà Coninco</i>	<i>10.324.630.060</i>	<i>10.760.585.120</i>
+ <i>Chi phí XD CB dở dang khác</i>	<i>-</i>	<i>270.894.684</i>
Cộng	10.324.630.060	11.031.479.804

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	242.219.100.079	149.499.149.385	25.321.755.899	3.044.196.058	4.347.581.728	424.431.783.149
- Mua trong kỳ	1.940.758.772	833.875.593	-	37.263.636	-	2.811.898.001
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	244.159.858.851	150.333.024.978	25.321.755.899	3.081.459.694	4.347.581.728	427.243.681.150
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	75.175.030.151	66.697.578.821	16.565.370.503	1.462.597.234	4.124.304.418	164.024.881.127
- Khấu hao trong kỳ	2.932.120.427	4.221.205.673	896.216.808	184.397.846	21.440.100	8.255.380.854
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	78.107.150.578	70.918.784.494	17.461.587.311	1.646.995.080	4.145.744.518	172.280.261.981
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	167.044.069.928	82.801.570.564	8.756.385.396	1.581.598.824	223.277.310	260.406.902.022
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	166.052.708.273	79.414.240.484	7.860.168.588	1.434.464.614	201.837.210	254.963.419.169

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 98.876.067.943 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 324.378.418.373 đồng và 218.572.131.729 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>513.945.000</i>	<i>50.933.945.000</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>513.945.000</i>	<i>50.933.945.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	<i>166.124.520</i>	<i>166.124.520</i>
- Khấu hao trong kỳ	-	31.264.880	31.264.880
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	<i>197.389.400</i>	<i>197.389.400</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>347.820.480</i>	<i>50.767.820.480</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>316.555.600</i>	<i>50.736.555.600</i>

(*): Là quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 1487, 1488 tờ bản đồ số 38 phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 165.939.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, nguyên giá và giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay lần lượt là 50.420.000.000 đồng và 50.420.000.000 đồng.

11. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	6.443.984.523	6.917.935.456
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	525.767.995	581.619.935
- Chi phí vận chuyển hàng gửi bán	4.927.220.481	4.566.564.324
- Các khoản khác	990.996.047	1.769.751.197
b. Dài hạn	66.126.563.691	63.563.087.990
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.166.739.328	2.576.661.777
- Chi phí sửa chữa	4.691.150.679	4.462.322.241
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	12.643.075.912	12.851.761.918
- Chi phí thuê văn phòng	38.571.056.263	35.212.220.202
- Chi phí thuê vị trí đặt biển	1.431.818.178	1.513.636.362
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.622.723.331	6.946.485.490
Cộng	72.570.548.214	70.481.023.446

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuế tài chính

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay ngắn hạn	422.473.638.801	422.473.638.801	913.195.299.349	978.519.522.975	357.149.415.175	357.149.415.175	
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>383.079.945.708</i>	<i>383.079.945.708</i>	<i>905.017.085.442</i>	<i>952.081.040.975</i>	<i>336.015.390.175</i>	<i>336.015.390.175</i>	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	314.360.106.047	314.360.106.047	433.379.297.022	528.443.269.909	219.296.133.160	219.296.133.160	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội ^(b)	5.289.988.738	5.289.988.738	327.567.838.957	226.964.233.790	105.893.593.905	105.893.593.905	
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	8.861.870.380	8.861.870.380	108.356.366.485	117.218.236.865	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội ^(c)	54.567.980.543	54.567.980.543	29.894.088.978	79.455.900.411	5.006.169.110	5.006.169.110	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai ^(d)	-	-	5.819.494.000	-	5.819.494.000	5.819.494.000	
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>15.614.653.093</i>	<i>15.614.653.093</i>	<i>216.693.907</i>	<i>14.548.362.000</i>	<i>1.282.985.000</i>	<i>1.282.985.000</i>	
+ Bà Trịnh Thị Hồng Lê ^(e)	4.053.150.000	4.053.150.000	-	2.770.165.000	1.282.985.000	1.282.985.000	
+ Ông Bùi Văn Hữu ^(e)	11.561.503.093	11.561.503.093	216.693.907	11.778.197.000	-	-	
- <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>23.779.040.000</i>	<i>23.779.040.000</i>	<i>7.961.520.000</i>	<i>11.889.520.000</i>	<i>19.851.040.000</i>	<i>19.851.040.000</i>	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội ^(f)	12.779.040.000	12.779.040.000	7.961.520.000	6.389.520.000	14.351.040.000	14.351.040.000	
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ^(g)	11.000.000.000	11.000.000.000	-	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	
b. Vay dài hạn	44.904.662.500	44.904.662.500	8.940.065.327	8.485.520.000	45.359.207.827	45.359.207.827	
b.1. Vay dài hạn	44.904.662.500	44.904.662.500	8.940.065.327	8.485.520.000	45.359.207.827	45.359.207.827	
Từ 1 năm đến 5 năm	44.904.662.500	44.904.662.500	8.940.065.327	8.485.520.000	45.359.207.827	45.359.207.827	
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>44.904.662.500</i>	<i>44.904.662.500</i>	<i>8.940.065.327</i>	<i>8.485.520.000</i>	<i>45.359.207.827</i>	<i>45.359.207.827</i>	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Nam Hà Nội ^(f)	44.904.662.500	44.904.662.500	8.940.065.327	8.485.520.000	45.359.207.827	45.359.207.827	
Cộng	467.378.301.301	467.378.301.301	922.135.364.676	987.005.042.975	402.508.623.002	402.508.623.002	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMI

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

- (a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo hợp đồng số 01/2020/134960/HĐTĐ ngày 25/9/2020 để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 550 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 01 năm, lãi suất trong kỳ từ 7,8% đến 8,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/134960/HĐBĐ, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/134960/HĐBĐ, tài sản đảm bảo của bên thứ 3 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/134960/HĐBĐ, số 02/2019/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 03/2019/134960/HĐBĐ, tài sản luân chuyển trong quá trình SXKD là hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐBĐ.
- (b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội với lãi suất 9,5%/năm theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 4515028/2021/HĐHM/VPB ngày 25/3/2021 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 800 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa không quá 11 tháng, lãi suất trong kỳ từ 7,9% đến 8,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại thửa đất số 1487, 1488 tờ bản đồ số 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12 thành phố Hồ Chí Minh, 03 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 29H-250.76, 29H-250.78 và 29H-250.09, hàng hóa hình thành từ L/C thuộc sở hữu của Công ty và các xe ô tô lắp ráp từ linh kiện nhập khẩu trực tiếp hình thành từ vốn vay Ngân hàng, các số tiết kiệm tiền gửi của Công ty và bảo lãnh cá nhân của ông Bùi Văn Hữu.
- (c) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/HĐTĐ-PN/PPC-12.2017 ngày 21/01/2021 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 250 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 8,7% đến 9,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bộ linh kiện hình thành từ vốn vay, thành phẩm là xe ô tô tải hiệu Cửu Long do Công ty lắp ráp hoàn chỉnh từ linh kiện nhập khẩu từ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội tài trợ, xe ô tô nhập khẩu nguyên chiếc nhãn hiệu Sinotruck, Howo mới 100% hình thành từ vốn vay, xe lắp ráp thành phẩm, xe nhập khẩu nguyên chiếc có thời hạn kê từ ngày cấp giấy CN xuất xưởng/ đăng kiểm không quá 04 tháng thuộc sở hữu của Công ty.
- (d) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai theo hợp đồng cấp tín dụng số 26578.21.065.27422.TD ngày 01/6/2021 với hạn mức tín dụng 50 – 100 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 20/5/2022, lãi suất 7,2%/năm. Tài sản đảm bảo là hàng hóa hình thành từ phương án Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai tài trợ.
- (e) Khoản vay cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.
- (f) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Nam Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho vay số 251218-4515028-01-SME ngày 18/01/2019 để tài trợ khoản vay "Đầu tư xây dựng trung tâm showroom và tổng kho – Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh". Thời hạn vay 06 năm, lãi suất vay từ 10,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và TS gắn liền với đất tại thửa đất số 1487, 1488, tờ bản đồ 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của TMT; Bảo lãnh cá nhân của bên thứ 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng vay số 171019-4515028-01-SME ngày 22/10/2019 để tài trợ chi phí đầu tư văn phòng làm việc tại tòa nhà Coninco số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Thời hạn vay 07 năm, lãi suất vay từ 10,8%/năm đến 11,6%/năm.
 - Hợp đồng vay số 050719-4515028-01-SME ngày 05/7/2019 để mua xe ô tô Ford phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 06 năm, lãi suất 10%/năm được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (g): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam theo hợp đồng vay số 299/2016/HDCV/PVBHBT-TMT ngày 28/10/2016 để đầu tư vào nhà máy sản xuất lắp ráp xe ô tô tải hạng trung, hạng nặng, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 11,7%/năm được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ quyền thuê đất tại huyện Văn Lâm, Hưng Yên và một số máy móc thiết bị tại nhà máy ô tô Cừu Long.

Đơn vị tính: VND

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	1.357.920.793.683	1.357.920.793.683	672.155.779.861	672.155.779.861
- Sinostruk Import & Export Co.,Ltd.	794.213.124.550	794.213.124.550	421.053.318.101	421.053.318.101
- Guangxi Qinzhou Lishun Machinery Co.,Ltd.	87.540.909.311	87.540.909.311	54.189.457.675	54.189.457.675
- Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture Co.,Ltd.	51.410.080.759	51.410.080.759	21.457.770.773	21.457.770.773
- Chongqing Sokon Motor (Group) Imp & Exp. Co.,Ltd.	263.766.814.891	263.766.814.891	47.252.101.692	47.252.101.692
- Shandong Kama Automobile Manufacturing Co.,Ltd.	42.591.779.600	42.591.779.600	42.720.733.950	42.720.733.950
- Chongqing Shuguang Panit Industry Co.,Ltd.	12.138.000.000	12.138.000.000	12.174.750.000	12.174.750.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	106.260.084.572	106.260.084.572	73.307.647.670	73.307.647.670
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.357.920.793.683	1.357.920.793.683	672.155.779.861	672.155.779.861

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	77.469.188	1.643.112.257	129.908.975	-	1.590.672.470
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	128.788.249.857	128.788.249.857	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	86.620.554	305.395.255	-	-	392.015.809
- Thuế xuất, nhập khẩu	57.356.863	-	79.046.118.931	78.996.133.344	7.371.276	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	496.718.062	5.718.573.023	204.718.556	-	6.010.572.529
- Thuế thu nhập cá nhân	-	901.427.996	2.936.862.790	1.623.349.267	-	2.214.941.519
- Thuế tài nguyên	-	465.000	2.730.000	2.745.000	-	450.000
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	278.661.600	-	928.872.000	-	-	650.210.400
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	336.018.463	1.562.700.800	219.375.914.113	209.751.104.999	7.371.276	10.858.862.727

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	39.707.459.246	17.178.966.602
- Chi phí lãi vay trích trước	466.000.150	759.846.027
- Chi phí vận chuyển	17.179.138.945	5.720.654.452
- Chi phí trích trước lương tháng 13	-	4.500.000.000
- Chi phí LC	9.961.372.120	2.868.405.632
- Các khoản trích trước khác	12.100.948.031	3.330.060.491
b. Dài hạn	-	-
Cộng	39.707.459.246	17.178.966.602

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	7.825.584.302	22.357.589.926
- Tài sản thừa chờ giải quyết	39.251.514	-
- Kinh phí công đoàn	4.226.836.096	3.780.864.096
- Bảo hiểm xã hội	760.207.157	-
- Bảo hiểm y tế	85.469.830	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	53.857.942	-
- Phải trả về cổ phần hóa	10.400.000	10.400.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.649.561.763	18.566.325.830
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8	1.193.924.373	1.193.924.373
+ Công ty TNHH MTV Đông Phát	-	5.693.918.133
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1	-	2.081.454.545
+ Tata Motor Company Limited	469.229.093	-
+ Các đối tượng khác	986.408.297	9.597.028.779
b. Dài hạn	23.600.000.000	26.000.060.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	23.600.000.000	26.000.060.000
Cộng	31.425.584.302	48.357.649.926

CÔNG TY CỔ PHẦN Ó TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	372.876.800.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	16.221.846.851	34.341.397.991	415.603.009.082
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	1.809.157.381	1.809.157.381
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	116.712.499	(233.424.998)	(116.712.499)
Số dư cuối năm trước	372.876.800.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	16.338.559.350	35.917.130.374	417.295.453.964
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	22.402.614.078	22.402.614.078
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-	-	(108.549.442)	(108.549.442)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	54.274.721	(54.274.721)	(54.274.721)
Số dư cuối kỳ này	372.876.800.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	16.392.834.071	58.211.195.010	439.643.793.321

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết phân phối lợi nhuận trong kỳ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 397/NG-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2021:

	Số tiền
Trích quỹ đầu tư phát triển	54.274.721
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	54.274.721
Tổng phân phối lợi nhuận	108.549.442

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
+ Ông Bùi Văn Hữu	123.057.040.000	33	123.057.040.000	33
+ Các đối tượng khác	249.819.760.000	67	249.819.760.000	67
Cộng	372.876.800.000	100	372.876.800.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	372.876.800.000	372.876.800.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	372.876.800.000	372.876.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.287.680	37.287.680
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.287.680	37.287.680
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.287.680	37.287.680
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.877.980	36.877.980
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.877.980	36.877.980
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
- USD	USD	33.346,01	6.939,00
- EUR	EUR	102,40	108,19
Tài sản nhận giữ hộ			
- Xe ô tô tài nhận giữ hộ	Xe	-	22
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	11.169.734.400	11.169.734.400

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Doanh thu bán hàng hóa	257.709.529.902	90.987.505.307
- Doanh thu bán thành phẩm	891.833.369.873	641.926.377.566
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.008.402.311	1.596.958.098
Cộng	1.155.551.302.086	734.510.840.971
Trong đó	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	25.212.266	
02. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Hàng bán bị trả lại	1.521.163.636	9.752.272.727
Cộng	1.521.163.636	9.752.272.727
03. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	261.385.483.409	93.466.380.388
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	783.624.089.932	561.552.097.033
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.340.795.694	929.705.859
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.490.851.723	(3.695.145.907)
Cộng	1.050.841.220.758	652.253.037.373
04. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	90.032.492	58.420.046
- Lãi chênh lệch tỷ giá	2.670.833.739	1.190.335.120
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	52.139	-
Cộng	2.760.918.370	1.248.755.166
05. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Lãi tiền vay	16.846.317.272	34.772.917.054
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	91.895.676	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	173.100	3.000
- Chi phí tài chính khác	78.440.551	-
Cộng	17.016.826.599	34.772.920.054

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
06. Thu nhập khác		
- Tiền phạt thu được	150.000.000	-
- Các khoản khác	144.092.498	27.624.664
Cộng	294.092.498	27.624.664
07. Chi phí khác		
- Tiền phạt	-	588.466.911
- Các khoản khác	10.000.584	521.621.484
Cộng	10.000.584	1.110.088.395
08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>27.439.663.649</i>	<i>21.300.324.439</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	12.349.317.400	13.267.185.132
- Chi phí vật liệu quản lý	2.794.747.796	1.637.943.211
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.967.341.537	1.781.416.578
- Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.366.981.820	2.438.383.036
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.955.275.096	2.169.396.482
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>33.656.250.627</i>	<i>14.842.292.543</i>
- Chi phí nhân viên	16.564.218.233	6.617.954.816
- Chi phí vật liệu, bao bì	659.028.814	659.524.329
- Chi phí khấu hao TSCĐ	58.924.682	70.245.882
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.580.158.250	235.697.366
- Chi phí khác	14.793.920.648	7.258.870.150
Cộng	61.095.914.276	36.142.616.982
09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	5.718.573.023	573.274.513
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.718.573.023	573.274.513

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết cách tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.121.187.101	1.756.285.270
Các khoản điều chỉnh tăng	476.208.000	1.110.087.295
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	476.208.000	1.110.087.295
Các khoản điều chỉnh giảm	4.529.984	-
- Lãi CLTG do đánh giá lại cuối kỳ của khoản phải thu và TGNH	4.529.984	-
Thu nhập tính thuế TNDN	28.592.865.117	2.866.372.565
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	5.718.573.023	573.274.513

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	814.133.483.916	500.528.566.331
- Chi phí nhân công	58.501.034.039	40.548.307.546
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.286.645.734	8.188.727.501
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.353.592.051	2.994.563.130
- Chi phí khác	29.177.059.544	14.618.332.297
Cộng	929.451.815.284	566.878.496.805

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Đầu tư vào Công ty con chưa thanh toán	499.500.000
Cộng	499.500.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Phụ trách Phòng tài chính kế toán và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>
Ông Bùi Văn Hữu – Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
- Trả nợ vay ngắn hạn	11.778.197.000	2.606.693.907
- Chi phí lãi vay	-	1.273.683.897
- Trả lãi vay	-	1.273.683.897
Ông Vũ Đình Phóng - Ủy viên HĐQT		
- Tạm ứng	37.700.000	-
- Hoàn ứng	49.404.000	-
Ông Bùi Quốc Công - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		
- Trả gốc vay	-	5.001.650.000
Bà Trịnh Thị Hồng Lê - Ủy viên HĐQT		
- Trả gốc vay	2.770.165.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Vũ Đình Phóng - Ủy viên HĐQT		
+ Tạm ứng	18.508.976	30.212.976
Cộng nợ phải thu	<u>18.508.976</u>	<u>30.212.976</u>
Ông Bùi Văn Hữu - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	11.561.503.093
Bà Trịnh Thị Hồng Lê - Ủy viên HĐQT		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.282.985.000	4.053.150.000
Cộng nợ phải trả	<u>1.282.985.000</u>	<u>15.614.653.093</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Đơn vị tính: VND
Từ ngày 01/01/2021					Cộng
đến ngày 30/6/2021					
Ông Bùi Quốc Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	-	9.615.000	9.615.000
Ông Bùi Văn Hữu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.041.477.000	-	158.076.000	1.199.553.000
Ông Bùi Quốc Công	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	410.802.000	90.000.000	53.077.000	553.879.000
Ông Vũ Đình Phóng	Thành viên HĐQT	145.834.000	-	52.641.000	198.475.000
Bà Trịnh Thị Hồng Lê	Thành viên HĐQT	-	-	30.000.000	30.000.000
Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-	30.000.000	30.000.000
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên HĐQT	185.499.000	-	50.321.000	235.820.000
Ông Lê Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	23.077.000	-	-	23.077.000
Cộng		1.806.689.000	90.000.000	383.730.000	2.280.419.000
Từ ngày 01/01/2020					Cộng
đến ngày 30/6/2020					
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên HĐQT	-	-	55.769.000	55.769.000
Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	607.118.000	-	154.616.000	761.734.000
Ông Bùi Quốc Công	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	308.647.000	-	51.539.000	360.186.000
Ông Vũ Đình Phóng	Thành viên HĐQT	128.640.000	-	54.615.000	183.255.000
Bà Trịnh Thị Hồng Lê	Thành viên HĐQT	-	-	30.000.000	30.000.000
Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-	30.000.000	30.000.000
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên HĐQT	165.002.000	-	-	165.002.000
Ông Nguyễn Duy Hiếu	Thành viên HĐQT	114.649.000	-	17.307.000	131.956.000
Cộng		1.324.056.000	-	393.846.000	1.717.902.000

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4

Mối quan hệ

Ông Vũ Đình Phóng – Thành viên HĐQT
Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2021

đến 30/6/2021

Cung cấp dịch vụ

- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4

25.212.266

25.212.266

Mua hàng hóa

- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4

21.065.629.868

21.065.629.868

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.222.401.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	1.222.401.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	222.838	222.838
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	222.838	222.838
Cộng nợ phải thu	1.222.623.838	222.838
Phải trả người bán ngắn hạn	-	1.388.459.950
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	-	1.388.459.950
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.728.791.018	1.756.524.518
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	1.728.791.018	1.756.524.518
Phải trả khác ngắn hạn	3.973.727.245	1.929.783.636
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	3.973.727.245	1.929.783.636
Cộng nợ phải trả	5.702.518.263	5.074.768.104

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	850.002.220.697	89.373.537.292	214.654.380.461	1.154.030.138.450
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	822.781.793.741	89.139.618.018	214.271.631.504	1.126.193.043.263
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	27.220.426.956	233.919.274	382.748.957	27.837.095.187
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	9.515.338.863	-	867.208.772	10.382.547.635
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.949.047.240	-	468.369.950	12.417.417.190
Số dư tại ngày 30/6/2021				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.034.591.689.727	5.776.074.487	127.190.977.169	2.167.558.741.383
- Tài sản không phân bổ				192.738.564.558
Tổng tài sản	2.034.591.689.727	5.776.074.487	127.190.977.169	2.360.297.305.941
- Nợ phải trả bộ phận	1.913.085.195.931	3.703.031.117	3.787.961.034	1.920.576.188.082
- Nợ phải trả không phân bổ				77.324.538
Tổng nợ phải trả	1.913.085.195.931	3.703.031.117	3.787.961.034	1.920.653.512.620

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	631.343.906.397	85.494.116.394	7.920.545.453	724.758.568.244
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	633.491.073.933	80.822.231.672	7.606.513.638	721.919.819.243
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(2.147.167.536)	4.671.884.722	314.031.815	2.838.749.001
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.913.475.770	-	352.091.603	3.265.567.373
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.789.393.027	-	1.256.390.011	9.045.783.038
Số dư tại ngày 30/6/2020				
- Tài sản thực tiếp của bộ phận	1.493.454.703.223	763.101.380	121.194.403.345	1.615.412.207.948
- Tài sản không phân bổ				23.065.323.150
Tổng tài sản	1.493.454.703.223	763.101.380	121.194.403.345	1.638.477.531.098
- Nợ phải trả bộ phận	1.097.469.009.416	1.188.553.216	123.072.611.309	1.221.730.173.941
- Nợ phải trả không phân bổ				78.049.817
Tổng nợ phải trả	1.097.469.009.416	1.188.553.216	123.072.611.309	1.221.808.223.758

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Trong kỳ, Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lắp ráp và kinh doanh xe ô tô;
- Cung cấp dịch vụ.

Hơn 90% doanh thu trong kỳ của Công ty là lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị số sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.800.532.958	-	62.746.460.019	-	18.800.532.958	62.746.460.019
Phải thu về cho vay	-	-	27.941.441.000	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.263.379.244	(1.482.164.277)	57.687.558.724	(1.482.164.277)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	148.939.073.530	(541.930)	3.000.000.000	-	148.938.531.600	3.000.030.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	1.073.530	(368.830)	-	734.700
Cộng	210.002.985.732	(1.482.706.207)	151.376.533.273	(1.482.533.107)		

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.357.920.793.683	672.155.779.861	(*)	(*)
Vay và nợ	402.508.623.002	467.378.301.301	(*)	(*)
Chi phí phải trả	39.707.459.246	17.178.966.602	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	2.649.561.763	18.566.325.830	(*)	(*)
Cộng	1.802.786.437.694	1.175.279.373.594		

(*): Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày 30/6/2021 do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

05. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07, V.09, V.10 và V.12).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2021.

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
	Cộng		
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	1.357.920.793.683	-	-
Vay và nợ	357.149.415.175	45.359.207.827	-
Chi phí phải trả	39.707.459.246	-	-
Các khoản phải trả khác	2.649.561.763	-	-
Cộng	1.757.427.229.867	45.359.207.827	-
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	672.155.779.861	-	-
Vay và nợ	422.473.638.801	44.904.662.500	-
Chi phí phải trả	17.178.966.602	-	-
Các khoản phải trả khác	18.566.325.830	-	-
Cộng	1.130.374.711.094	44.904.662.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội, trong đó luồng tiền từ hoạt động kinh doanh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 được lập lại theo phương pháp gián tiếp để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Bùi Đức Huy

Phụ trách
Phòng tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Quốc Công

Số: 858 /UQ-TMT-TGD

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản Luật sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ “Điều lệ Công ty cổ phần ô tô TMT” đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ô tô TMT thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006 và các bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ tình hình thực tế công việc của Công ty trong thời điểm hiện tại,

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

- Ủy quyền cho: Ông Bùi Quốc Công - Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty.

- Nội dung ủy quyền:

- + Ký các Báo cáo tài chính trong năm 2021 và các công văn giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2021.
- + Ký các Hợp đồng kinh tế, công văn, giấy tờ triển khai các công việc của Công ty trên cơ sở bút phê/phê duyệt của Tổng Giám đốc tại các chứng từ gốc, tờ trình, báo cáo và đề xuất, phương án,...
- + Ký kết hợp đồng và thanh lý các hợp đồng liên quan đến công tác Văn phòng Công ty như: Vệ sinh, vườn hoa cây cảnh, mua bán đồ dùng thiết bị văn phòng, sửa chữa nhỏ, bảo hộ lao động, điện nước sinh hoạt, nước uống và các hợp đồng dịch vụ khác.
- + Ký duyệt đề nghị của các phòng, ban Công ty về việc:
 - Thay thế mực in, phim máy fax, mực máy phô tô.
 - Sửa chữa, thay thế linh kiện, máy móc, thiết bị văn phòng.
 - Mua văn phòng phẩm.
 - Sửa chữa nhỏ tại văn phòng Công ty, mua vật rẻ tiền, mau hỏng.
 - Duyệt các đề nghị khác liên quan đến chi phí công tác văn phòng từ 10.000.000 đồng trở xuống.
- + Ký duyệt chi các khoản tạm ứng của Văn phòng Công ty, Phòng TCNS, Phòng Xuất nhập khẩu trên cơ sở quy định hiện hành của Công ty.
- + Ký duyệt chi lương tạm ứng, lương thanh toán, thưởng theo quy định của Công ty.
- + Ký các hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động, cách chức đối với CBCNV Công ty (trừ công nhân, nhân viên Nhà máy ô tô Cửu Long) trên cơ sở tờ trình, đề xuất đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.

+ Ký các quyết định trả trợ cấp thôi việc cho CBCNV toàn Công ty theo quy định hiện hành.

+ Ký các văn bản, hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành.

+ Ký các hợp đồng tín dụng, đơn xin mở L/C, đơn đề nghị bảo lãnh nhận hàng, đơn đề nghị ký hậu vận đơn, khế ước nhận nợ tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng, sử dụng tài sản của Công ty để ký hợp đồng thế chấp đảm bảo vốn vay tại ngân hàng phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty trên cơ sở đã được Tổng giám đốc Công ty phê duyệt.

+ Ký ủy nhiệm chi, các văn bản giao dịch với các tổ chức ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, giấy lĩnh tiền, séc rút tiền từ tài khoản ngân hàng trên cơ sở tờ trình đã được Tổng giám đốc Công ty phê duyệt.

- Ông Bùi Quốc Công có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung nêu trên, trước khi ký triển khai công việc cần phải xem xét kỹ nội dung: Bút phê tại các chứng từ gốc, tờ trình, phương án, nội dung hợp đồng... Nếu ký kết, chỉ đạo không chặt chẽ, gây rủi ro, thất thoát về tài chính cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng Giám đốc và phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại cho Công ty.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có thông báo mới và thay thế Ủy quyền số 714/UQ-TMT-TGD ngày 01/07/2021.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Bùi Quốc Công

**NGƯỜI ỦY QUYỀN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Bùi Văn Hữu